TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 22 /2018/DSST- HNGĐ
Ngày: 04 – 4 – 2018
V/v tranh chấp "Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Loan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thơ và bà Nguyễn Thị Tiến

- Th- ký phiên toà: Bà Hoàng Vân Anh - Th- ký Tòa án nhân dân thành phố H;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:Bà Vũ Ngọc Quyên – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 751/2017/ TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 30/**2**018/ QĐXX - ST ngày 21/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyên Thị T H– sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 32, khu 3, phường C, TP H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên toà (có đơn xin xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyên NGọc D– sinh năm 1965

Nơi ĐKNKTT: Tổ 32, khu 3, phường C, TP H, tỉnh Quảng Ninh

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 4 Trại giam Thanh Lâm, Như Xuân, Thanh Hóa - Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về tình cảm: Theo đơn khởi kiện, đơn trình bày và lời khai của chị Nguyên Thị T Htại Toà án thì chị và Nguyên NGọc D có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2006 tại UBND B, TP H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn chị chưa có chồng, anh D có vợ nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Dự nghiện ma túy và bị xử phạt 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Sau khi mãn hạn tù một năm sau tháng 3/2013 anh Dự lại bị kết án tù chung thân về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Trong quá trình ở nhà chung sống với nhau chị H đã rất nhiều lần đưa anh D đi cai nghiện nhưng không có kết quả vì mỗi lần cai xong anh D lại trở lại con đường đó. Vì vậy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, xích mích nhau thường xuyên. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị không tiến hành hòa giải và Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyên NGọc D để chị ổn định cuộc sống.

Bị đơn: Anh Nguyên NGọc D tại Bản tự khai có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và quá trình chung sống vợ chồng giống như nội dung chị Huyền đã khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Hiện tại anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt do anh không quan tâm đến vợ. Nay chị Huyền có đơn xin ly hôn anh đồng ý để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nguyên Thị T Hvà anh Nguyên NGọc Dkhông có con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

Trong đơn xin xử vắng mặt chị Huyền vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và Anh Dự cũng giữ nguyên quan điểm.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhận dân thành phố H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghỉ nghị án thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên toà, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Nguyên Thị T Hvà anh Nguyên NGọc Dcó đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

Hôn nhân giữa chị Nguyên Thị T H và anh Nguyên NGọc D trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, TP H, tỉnh Quảng Ninh - Đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ đ- ợc pháp luật công nhận và bảo vệ. Hiện nay do anh D đang chấp hành án tại phân trại số 4 Trại giam Thanh Lâm, Như Xuân, Thanh Hóa, chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên theo quy định của pháp luật thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên theo lời khai của chị H và anh D thấy rằng cả chị H và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và anh D cũng đồng ý ly hôn với chị H để hai bên sớm ổn định cuộc sống, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh D.

- Về con chung và về tài sản chung cũng như công nợ chung: Chị Nguyên Thị T Hvà anh Nguyên NGọc D đều thừa nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn chị Nguyên Thị T H phải nộp án phí dân sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147- Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ – QH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "ly hôn" của chị Nguyễn Thị T H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyên Thị T H được ly hôn anh Nguyên NGọc D.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Về án phí: Buộc chị Nguyên Thị T H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền 300.000đ dự phí mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002199 ngày 15/11/2017.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, Báo cho các đương sự biết đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;*
- *Viện kiểm sát nhân dân TP H;*
- *Chi cục Thi hành án TP H;*
- *Các đương sự;Lưu hồ sơ;*
- *UBND phường B, TP H*

tỉnh Quảng Ninh.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vũ Thị Thơ – Nguyễn Thị Tiến	**Nguyễn Thị Loan**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Tuyết – Hồ Thị Lan	**Nguyễn Thị Loan**

3

7

9